

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 17/3/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh.

2. Ông Lý Đình Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-ST ngày 08/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐ-ST ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Dương Văn Ph, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị H tại Việt Nam là thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 10/11/2021

Nguyên đơn là anh Dương Văn Ph trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B ngày 20/9/2010. Sau khi kết hôn xong, chị H về nhà anh làm dâu và chung sống cùng gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2014 chị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài và vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Dương Minh H, sinh ngày 24/11/2011. Hiện nay, cháu H đang ở với anh, ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra, anh Ph còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu anh không liên lạc được với chị H, chị H vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ chị H là bà Chu Thị M; sinh năm 1971, trú tại: Thôn Hồ, xã Thanh L, huyện Lục N, tỉnh B nhưng bà M cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết đề cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H.

Tại đơn trình bày cháu Dương Minh H trình bày: Cháu là con của bố Dương Văn Ph và mẹ Nguyễn Thị H, hiện nay cháu đang ở cùng với bố cháu là Dương Văn Ph. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Dương Văn Ph.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có bản tự khai.

Ngày 30/12/2021 và ngày 17/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Chu Thị M, sinh năm 1971; trú tại: Thôn Hồ, xã Thanh L, huyện Lục N, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà M thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Dương Văn Ph và chị Nguyễn Thị Hằng; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà M vẫn giữ nguyên

quan điểm là chị H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Văn Phưởng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Ph; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Chu Thị M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Dương Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1,3 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn Ph.

Về hôn nhân: Cho anh Dương Văn Ph được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu là Dương Minh H, sinh ngày 24/11/2011 cho anh Dương Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh Ph không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Hằng có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Anh Dương Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Dương Văn Ph là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Dương Văn Ph.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Chu Thị M để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà M thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Dương Văn Ph và chị Nguyễn Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Bà Chu Thị M trình bày: Chị H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà M vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Ph biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Dương Văn Ph là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 28564/QLXNC-P5 ngày 25/11/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị H đã xuất nhập cảnh 07 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 14/7/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: Thôn Tiên Do, xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B.

Tòa án nhân dân huyện Lục N thụ lý vụ án, sau khi xác định chị H đang lao động tại nước ngoài, Tòa án nhân dân huyện Lục N đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Dương Văn Ph và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 20/9/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo S, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Ph trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2014 chị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài và vợ chồng mất liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Văn Ph. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Ph và chị H chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2014 thì chị H đi xuất khẩu lao động. Kể từ khi chị H đi nước ngoài vợ chồng đã mất liên lạc với nhau và đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau và độc lập về kinh tế. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Ph và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ph. Xử cho anh Dương Văn Ph được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Minh H, sinh ngày 24/11/2011. Hiện nay, cháu H đang ở với anh, ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Ph: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị H từ khi đi nước ngoài thì cháu Dương Minh H vẫn do anh Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn Ph về nuôi con chung là cháu Dương Minh H. Giao cho anh Ph là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Minh H, sinh ngày 24/11/2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ: Anh Dương Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Dương Văn Ph phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục N, tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Dương Văn Ph được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn Ph là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu là cháu Dương Minh H, sinh ngày 24/11/2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Dương Văn Ph phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013379 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục N, tỉnh B. Xác nhận anh Dương Văn Ph đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Dương Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Bảo S, Lục Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Lý Đình Đạt

Trần Thị Hà

